Đánh giá của Hội đồng Giám sát độc lập Cộng đồng thuộc mạng lưới Nông dân nòng cốt lưu vực Mê Kông

Trưởng ban: Trần Quốc Việt

Nội dung đánh giá:
Phần I. Tổ chức nhân sự;
Phần II. Nhiệm vụ;
Phần III. Nội dung giám sát;
Phần IV. Các chỉ số giám sát: chỉ số đầu ra, chỉ số hiệu quả, chỉ số ảnh hưởng;
Phần V. Thảo luận

Phần I. Tổ chức nhân sự

- Liên minh LISO đã tiến hành khảo sát đánh giá, nhận diện các khó khăn thách thức tại các vùng, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào sống ở rừng và đã tiến hành các hoạt động trực tiếp nhằm thúc đẩy hỗ trợ giúp đỡ các cộng đồng trong việc thực hiện các quyền của cộng đồng, cũng như tham gia, tư vấn hỗ trợ giải quyết những khó khăn thách thức mà cộng đồng gặp phải. Từ đó các cộng đồng, các vùng đã liên kết được với nhau hình thành mạng lưới NDNC tại các vùng để chủ động, tự tin triển khai các hoạt động tại cộng đồng, đồng thời cũng tham gia phản biện lại những vấn đề mà cộng đồng gặp phải.
- Đại hội mạng lưới NDNC bao gồm các già làng, trưởng bản, những người có uy tín trong cộng đồng đã thống nhất hình thành mạng lưới NDNC Mê Kông , đồng thời cũng liên kết, hợp tác với CENDI vào tháng 1/2015. Các hoạt động của mạng lưới NDNC không thể tách rời sự tư vấn hỗ trợ giúp đỡ của CENDI, thông qua CENDI là cơ quan đại diện tư cách pháp nhân cho mạng lưới NDNC Mê Kông để làm việc với các cơ quan chức năng, các nhà tài trợ, nhằm tạo điều kiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cộng đồng trong mạng lưới.
- Đại hội mạng lưới NDNC Mê kông đã tiến hành thảo luận và bầu ra các thành viên của Hội đồng Đánh giá độc lập NDNC Mê kông

Thành viên chịu trách nhiệm:
1. Ông Trần Quốc Việt: Trưởng ban (Sơn Kim 1, Hương Sơn, Hà Tĩnh)
2. Bà Kim Thị Tuyên: Phó ban (Hạnh Dịch, Quế Phong, Nghệ An)

3. Ông Lê Văn Tuấn: Thành viên (Hạnh Dịch, Quế Phong, Nghệ An)
4. Ông Chảo A Pin: Thành viên (Sải Duôn, Phin Ngan, Bát Xát, Lào Cai)
5. Bà Lý Mẩy Chạn: Thành viên (Sapa, Lào Cai)
6. Ông A Chôn: Thành viên (Pờ Ê, Kon Plong, Kon Tum)
7. Bà Trần Thị Bình: Thành viên (Lâm Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình)
8. Ông Vàng Sín Mìn: Trưởng thư ký (Hồ Sáo Chải, Thào Chư Phìn, Simacai, Lào Cai)
9. Ông Lộc Văn Vìn: Phó thư ký (HEPA, Sơn Kim I, Hương Sơn, Hà Tĩnh)
10. Ông Lê Hồng Giang: Phó thư ký (HEPA, Sơn Kim I, Hương Sơn, Hà Tĩnh)

Phần II. Nhiệm vụ

- Phát hiện: Đặc sản của dân tộc tại các vùng của dự án.
- Nhận diện: Các bản sắc văn hóa, tri thức và luật tục địa phương và các loại giống bản địa tạo nên đặc sản dân tộc.
- Kiến nghị: Ghi chép, tài liệu (chụp ảnh, mô tả, video) các đặc sản dân tộc, giống bản địa, các loại cây có nguy cơ tuyệt chủng để có giải pháp phù hợp.
- Thúc đẩy: Thu thập các tri thức và thúc đẩy các sáng kiến từ cộng đồng để có được bản quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền nhãn mác.
- Đào tạo: xây dựng tài liệu, tờ giới thiệu, thư viện về các đặc sản và cây con bản địa. Tổ chức các cuộc tham quan, chia sẻ, nghiên cứu về văn hóa, tri thức địa phương và đặc sản dân tộc.
- Củng cố: Các mối liên kết trong nghiên cứu ứng dụng thông qua các Vườn ươm thử nghiệm, các bản quyền trí tuệ, nhãn mác.
- Mạng lưới: Đất rừng, thị trường sinh thái, nhà nông sinh thái trẻ…

Phần III. Nội dung giám sát

III.1. Giám sát văn hóa tiếp cận Giao đất giao rừng cho cộng đồng (có tôn trọng luật tục, tri thức địa phương và đội ngũ già làng không?);
III.2. Trong quá trình giao đất giao rừng có bao nhiêu loại đặc sản ở trong rừng được phát hiện bởi các già làng;
III.3. Nhận diện được bao nhiêu nghi lễ, hội lễ của Hội đồng già làng trong tiến trình Giao đất giao rừng;
III.4. Nhận diện được bao nhiêu khó khăn và thách thức mà Hội đồng già làng và bà con đồng bào đang phải đối mặt trong tiến trình Giao đất giao rừng: ví dụ, phân loại rừng của nhà nước có phù hợp với cách phân loại rừng của làng không; cách hiểu về rừng truyền thống bảo vệ nguồn nước của làng có gì bất cập với rừng phòng hộ đầu nguồn của nhà nước không? Những bất cập gì giữa rừng tâm linh của đồng bào và rừng đặc dụng của vườn quốc gia? Những thách thức gì giữa rừng sinh kế của cộng đồng đối với rừng sản xuất theo cách triển khai của nhà nước;
III.5. Đề xuất những vấn đề cần phải thảo luận trong Hội đồng Giám sát đánh giá độc lập để rút kinh nghiệm cho những năm tới

Phần IV. Các chỉ số giám sát: chỉ số đầu ra, chỉ số hiệu quả, chỉ số ảnh hưởng

IV.1. Chỉ số đầu ra:

- Có bao nhiêu ha rừng tín ngưỡng được giao tới sở hữu cộng đồng?
- Có bao nhiêu ha từ sổ đỏ cá nhân được các hộ gia đình tự nguyện trả về cộng đồng theo luật tục và niềm tin của họ để giao lại cho cộng đồng quản trị và phát triển bởi luật tục của cộng đồng?
- Có bao nhiêu bộ luật tục được chính quyền cấp huyện ra quyết định công nhận?
- Có bao nhiêu sổ đỏ của bao nhiêu cộng đồng được giao cho các cộng đồng?
- Có bao nhiêu loài cây mẹ được phát hiện?
- Có bao nhiêu vườn ươm cây lâm nghiệp bản địa được xây dựng với bao nhiêu cây ươm?
- Có bao nhiêu chị em phụ nữ được thực hiện giấc mơ phục hồi nghề may thổ cẩm?
- Có bao nhiêu nghệ nhân làm rượu ghè được kể lại các câu chuyện về tiến trình nghi lễ, hội lễ và vật lễ làm rượu ghè?
- Có bao nhiêu thanh niên trong làng được tiếp tục hồi phục lại nghề đan lát?
- Có bao nhiêu thước video ghi lại các nghi lễ về xuống giống, các nghi lễ của làng hàng năm trong văn hóa canh tác và thu hái sản phẩm trong rừng?

IV.2. Chỉ số hiệu quả

- Tính tự chủ, tự tin và tự hào của các thành viên trong làng khi tiến hành các nghi lễ và hội lễ của làng hằng năm trong không gian rừng tín ngưỡng đã được pháp luật công nhận được tăng lên như thế nào?
- Tính tự chịu trách nhiệm đối với những cánh rừng tín ngưỡng sau khi được pháp luật công nhận được tăng lên như thế nào?
- Tính liên kết giữa các làng trong việc tự chịu trách nhiệm, tự giàu hóa các cánh rừng tín ngưỡng sau khi có sổ đỏ của pháp luật được tăng lên như thế nào?
- Tính tự chịu trách nhiệm của các thành viên trong làng đối với các cánh rừng bảo vệ nguồn nước và các mó nước thiêng được tăng lên như thế nào?

IV.3. Chỉ số ảnh hưởng

- Sự thay đổi về nhận thức và cách hiểu của các chuyên gia, các cán bộ chuyên môn của chính quyền địa phương như thế nào sau khi giao đất giao rừng có sự tham gia triệt để của các già làng và tri thức địa phương luật tục của họ?
- Sự thay đổi các văn bản pháp lý trong việc công nhận luật tục, công nhận tri thức địa phương, công nhận tập đoàn cây mẹ và cây bản địa thông qua hệ thống bản đồ, số liệu và văn bản dẫn đến quá trình hình thành nên sổ đỏ được thay đổi như thế nào?
- Các sự thay đổi này góp phần tăng thêm tính tự tin và lòng tự hào dân tộc của bà con như thế nào?

- Vai trò và vị thế của Hội đồng già làng và NDNC thông qua các diễn đàn vận động chính sách được tăng lên như thế nào?
- Thay đổi cách nhìn và cách hiểu của các nhà lập định chính sách khi được chứng kiến logic quản trị theo luật tục của Hội đồng già làng và NDNC như thế nào?

Phần V. Thảo luận

Gặp mặt toàn bộ các thành viên của Hội đồng giám sát đánh giá độc lập để:

- Chia sẻ toàn bộ kết quả giám sát độc lập;
- Thảo luận, phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn;
- Cùng nhau đề xuất các giải pháp tiếp theo phù hợp với từng vùng miền, từng nội dung công việc;
- Có kế hoạch triển khai các định hướng tiếp theo từ về Doanh nghiệp cộng đồng, Doanh nhân cộng đồng và các đặc sản vùng miền để đưa ra thị trường ngách theo định hướng từ 2015-2020.